

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN CHUYỂN KHOẢN  
HỌC BỔNG "SINH VIÊN ƯU TÚ" HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

| TT | MSSV       | HỌ VÀ TÊN              | NGÀNH                               | LỚP    | XẾP LOẠI HỌC TẬP | THÀNH TIỀN | GHI CHÚ |
|----|------------|------------------------|-------------------------------------|--------|------------------|------------|---------|
| 1  | 2205AV0066 | TRẦN HOÀNG TRIẾT GIANG | NGÔN NGỮ ANH                        | AV06A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 2  | 2105AV0048 | ĐỖ NGỌC THANH THẢO     | NGÔN NGỮ ANH                        | AV05B  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 3  | 2405AV0557 | LÊ ĐỨC UY              | NGÔN NGỮ ANH                        | 2405AV | GIỎI             | 500.000    |         |
| 4  | 2405TN0789 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH     | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | 2405TN | GIỎI             | 500.000    |         |
| 5  | 2405QK0400 | NGUYỄN HOÀNG CÁC HƯƠNG | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | 2405QK | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 6  | 2305TD7926 | NGUYỄN ÁNH LINH        | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | TD07A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 7  | 2305TD0611 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY      | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | TD07A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 8  | 2405TD0340 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ     | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | 2405TD | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 9  | 2205LT0011 | LÊ PHƯƠNG TÙNG         | LUẬT                                | LT06A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 10 | 2205KT0032 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN   | KẾ TOÁN                             | KT06A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 11 | 2105TV0032 | TRẦN PHỐI QUÂN         | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 12 | 2305CT6473 | CHÔNG A BÔI            | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 13 | 2205TN0011 | NGUYỄN THỊ TÂM TÂM     | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN06A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 14 | 2105QK0100 | PHẠM NGỰ GIANG         | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ         | QK05NT | GIỎI             | 500.000    |         |
| 15 | 2205QB0006 | VÕ ĐÀO PHƯƠNG LINH     | QUẢN LÝ BỆNH VIỆN                   | QB06A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 16 | 2105TV0083 | LƯƠNG PHAN MỸ DUYÊN    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05B  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 17 | 2305QK0640 | NGUYỄN VÕ MINH KHA     | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | QK07A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 18 | 2205LT0018 | TẠ MÃN KHANG           | LUẬT                                | LT06A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 19 | 2405QK0275 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM   | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | 2405QK | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 20 | 2405DL0610 | NGUYỄN THỊ HOÀI NHI    | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | 2405DL | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |
| 21 | 2305LT0005 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC PHÚC | LUẬT                                | LT06A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 22 | 2205AV0003 | HUỲNH THỊ MỸ HƯỜNG     | NGÔN NGỮ ANH                        | AV06A  | GIỎI             | 500.000    |         |
| 23 | 2105TV0042 | ÔN HÀ KHÁNH NGUYỄN     | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05A  | XUẤT SẮC         | 1.000.000  |         |

|    |            |                       |                             |        |          |           |  |
|----|------------|-----------------------|-----------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 24 | 2105TV0056 | ĐẶNG HUỆ DINH         | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 25 | 2105TV0071 | VÀNG THỊ MỸ NGỌC      | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 26 | 2205TV0044 | NGUYỄN THANH THUỜNG   | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 27 | 2205TV0009 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG  | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 28 | 2305KT7978 | TRẦN THỊ MỸ CHI       | KẾ TOÁN                     | KT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 29 | 2205TN0027 | HỒ THỊ THÚY VI        | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 30 | 2205TN0018 | VÕ THỊ HỒNG NHUNG     | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 31 | 2305TN8162 | BÙI THU HUYỀN         | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 32 | 2105QK0043 | LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ | QK05NT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 33 | 2305QK7810 | LÊ NGỌC TRIỆU VY      | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | QK07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 34 | 2405MK0521 | TRẦN NGỌC TUẤN VỸ     | MARKETING                   | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 35 | 2205LT0005 | NGUYỄN THỊ PHI PHỤNG  | LUẬT                        | LT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 36 | 2305TN7892 | HỒ THỊ MỸ NGỌC        | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 37 | 2205MK0012 | LÊ THỊ NGÀ            | MARKETING                   | MK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 38 | 2205TV0015 | DƯƠNG LÊ NHƯ QUỲNH    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 39 | 2105KT0061 | TRẦN THỊ TUYẾT NHI    | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP        | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 40 | 2205NV0007 | DƯƠNG MINH HIẾU       | NGÔN NGỮ NHẬT               | NV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 41 | 2105CT0098 | NGUYỄN HOÀNG ĐỨC      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT05PM | GIỎI     | 500.000   |  |
| 42 | 2105CT0089 | PHU QUẢNG NGỌC        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT05TT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 43 | 2305MK0129 | VÕ QUỲNH NHƯ          | MARKETING                   | MK07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 44 | 2405NV0305 | TRẦN MỸ GIA           | NGÔN NGỮ NHẬT               | 2405NV | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 45 | 2105TN0007 | NGUYỄN THỊ KIM DUNG   | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN05TC | GIỎI     | 500.000   |  |
| 46 | 2105CT0015 | PHAN HOÀNG TRUNG      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT05TT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 47 | 2305CT8016 | LÊ KIỀU DUY EM        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 48 | 2105TV0088 | ĐOÀN TIÊU VY          | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05B  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 49 | 2105TV0068 | NGUYỄN THỊ KIM CHI    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05B  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 50 | 2105TV0087 | CAO ĐOÀN LAN ANH      | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |

|    |            |                       |                             |        |          |           |  |
|----|------------|-----------------------|-----------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 51 | 2305KT7857 | NGUYỄN GIA HÂN        | KẾ TOÁN                     | KT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 52 | 2105CT0081 | NGUYỄN VŨ VIỆT BÁCH   | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT05PM | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 53 | 2305CT0263 | PHAN THỊ PHƯƠNG LY    | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 54 | 2305CT2084 | NGUYỄN ĐỨC THỊNH      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN         | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 55 | 2105QB0005 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHI | QUẢN LÝ BỆNH VIỆN           | QB05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 56 | 2305KS2319 | NGÔ BẢO NGỌC          | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN          | KS07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 57 | 2305KS0489 | TRẦN THỊ THẢO MAI     | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN          | KS07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 58 | 2405KS0070 | TRẦN MAI TRÂM         | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN          | 2405KS | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 59 | 2105TV0003 | ĐINH MẠC TRANG NHI    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 60 | 2105TV0040 | TRỊNH LÊ VŨ THƯỜNG    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 61 | 2105TV0030 | PHẠM THỊ MỸ TIỀN      | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 62 | 2205TV0029 | DƯƠNG VĂN ĐƯỢC        | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 63 | 2305TV2332 | NGUYỄN KIM TUYẾT NGÂN | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC         | TV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 64 | 2105KT0022 | LÊ VĂN HIỆP           | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP        | KT05KD | GIỎI     | 500.000   |  |
| 65 | 2205KT0005 | ĐẶNG LÊ TÂM NHI       | KẾ TOÁN                     | KT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 66 | 2305KT0357 | LÊ THANH HUYỀN        | KẾ TOÁN                     | KT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 67 | 2105TN0063 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 68 | 2105TN0060 | HUỶNH GIA NGHI        | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 69 | 2105TN0013 | NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN  | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG       | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 70 | 2105QK0118 | TRẦN NGỌC HÙNG        | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ | QK05NT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 71 | 2105QK0005 | TRẦN THỊ HUYỀN THẢO   | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ | QK05NT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 72 | 2205QK0005 | TRỊNH KIỀU OANH       | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | QK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 73 | 2205QK0032 | HUỶNH BỘI SAN         | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | QK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 74 | 2405QK0280 | NGUYỄN TRÚC VY        | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 75 | 2405QK0029 | HUỶNH LAN ANH         | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 76 | 2405QK0496 | NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU | QUẢN TRỊ KINH DOANH         | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 77 | 2205MK0013 | TRẦN THỊ THANH NGÂN   | MARKETING                   | MK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |

|     |            |                         |                                     |        |          |           |  |
|-----|------------|-------------------------|-------------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 78  | 2405MK0184 | VÕ CHÍ THIÊN            | MARKETING                           | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 79  | 2405MK0219 | TRƯƠNG ĐÌNH VI HÂN      | MARKETING                           | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 80  | 2305LT0758 | DƯƠNG NGỌC ÁNH          | LUẬT                                | LT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 81  | 2405LT0354 | HUỖNH HOÀNG THANH HẰNG  | LUẬT                                | 2405LT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 82  | 2305DL2335 | LƯ GIA MÃN              | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 83  | 2405TV0206 | TRƯƠNG THỊ NHI          | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | 2405TV | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 84  | 2405TV0781 | NGUYỄN THỊ MỸ TRINH     | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | 2405TV | GIỎI     | 500.000   |  |
| 85  | 2205TN0003 | LÊ THỊ KIỀU ANH         | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 86  | 2305QK0252 | HỒ THỰC TRẦN            | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | QK07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 87  | 2405TN0501 | NGUYỄN NGỌC BÌNH NGUYỄN | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | 2405TN | GIỎI     | 500.000   |  |
| 88  | 2105MK0011 | LÝ THỊ THANH PHƯƠNG     | MARKETING                           | MK05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 89  | 2305TV2331 | ĐỖ MINH HÙNG            | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 90  | 2405KS0119 | LÊ QUỐC THÀNH           | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | 2405KS | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 91  | 2105QK0070 | NGUYỄN THỊ THU THẢO     | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ         | QK05NT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 92  | 2105KT0008 | LƯƠNG TẤN ĐỨC           | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 93  | 2105TN0047 | PHAN THỊ THANH HƯƠNG    | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 94  | 2105CT0113 | HUỖNH TUẤN VĨ           | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05PM | GIỎI     | 500.000   |  |
| 95  | 2105TN0044 | NGUYỄN BÙI GIA HUY      | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | GIỎI     | 500.000   |  |
| 96  | 2305CT2070 | MAI TRẦN THIÊN TÂM      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 97  | 2105TN0020 | TRẦN THUY TRỌNG THẢO    | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | GIỎI     | 500.000   |  |
| 98  | 2105TN0015 | NGUYỄN MÃN              | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | GIỎI     | 500.000   |  |
| 99  | 2205CT0054 | ĐẶNG THỊ XUÂN           | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 100 | 2205CT0023 | ĐẶNG THỊ MỸ HÙNG        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 101 | 2205MK0018 | LẠI THỊ TRÚC LY         | MARKETING                           | MK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 102 | 2305TD2291 | PHẠM NGỌC DIỄM          | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | TD07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 103 | 2105TV0062 | TRẦN KHÁNH LY           | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 104 | 2105TN0005 | BIỆN THỊ MỸ QUYÊN       | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |

|     |            |                         |                                     |        |          |           |  |
|-----|------------|-------------------------|-------------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 105 | 2205CT0007 | NGUYỄN PHÚ THỊNH        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 106 | 2205MK0030 | NGUYỄN THỊ GIÀU         | MARKETING                           | MK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 107 | 2405TD0831 | VŨ MINH KHANG           | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | 2405TD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 108 | 2205KT0011 | TRANG GIA PHỤNG         | KẾ TOÁN                             | KT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 109 | 2405LK0430 | LONG PHƯỚC GIA NGHI     | LUẬT KINH TẾ                        | 2405LK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 110 | 2105TN0066 | NGUYỄN MAI QUỲNH GIANG  | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 111 | 2105TN0038 | NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ    | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 112 | 2105MK0026 | PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG    | MARKETING                           | MK05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 113 | 2105TV0065 | VÒNG UYÊN THƠ           | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 114 | 2405MK0684 | NGUYỄN HUỲNH THIÊN KIM  | MARKETING                           | 2405MK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 115 | 2405QK0250 | HUỲNH KIM YẾN           | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 116 | 2305LT2337 | LÊ HOÀNG MINH PHƯƠNG    | LUẬT                                | LT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 117 | 2105AV0051 | HÀ THANH HUỆ            | NGÔN NGỮ ANH                        | AV05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 118 | 2205AV0010 | HOÀNG TIỀN GIANG        | NGÔN NGỮ ANH                        | AV06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 119 | 2305CT2334 | NGUYỄN HUY ĐẠT          | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 120 | 2305TN0241 | PHAN THÙY PHƯƠNG ANH    | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 121 | 2105QK0085 | PHAN THÙY VÂN ANH       | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ         | QK05NT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 122 | 2105TN0062 | KA HỈ                   | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 123 | 2305CT0185 | NGUYỄN THÁI THANH THƯ   | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 124 | 2305CT8232 | BÙI HOÀNG OANH          | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 125 | 2205DL0019 | ĐOÀN LÊ MỸ TIỀN         | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 126 | 2305NV8191 | PHẠM NGỌC THIỆN         | NGÔN NGỮ NHẬT                       | NV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 127 | 2405TN0365 | ĐẶNG XUÂN NGHI          | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | 2405TN | GIỎI     | 500.000   |  |
| 128 | 2105QK0071 | NGUYỄN THỊ QUẾ NHI      | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ         | QK05NT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 129 | 2205QK0001 | TRẦN DƯƠNG NGỌC HÂN     | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | QK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 130 | 2405LT0216 | TRẦN TRUNG NHỰT         | LUẬT                                | 2405LT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 131 | 2305CT0590 | PHẠM MINH CẨM ĐÀO       | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 132 | 2305CT0514 | NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |

|     |            |                      |                                     |        |          |           |  |
|-----|------------|----------------------|-------------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 133 | 2305MK2087 | ĐINH MỸ PHƯƠNG       | MARKETING                           | MK07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 134 | 2305TV2295 | BÙI THỊ TUYẾT MAI    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 135 | 2305DL0549 | NGUYỄN THANH XUÂN    | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 136 | 2305KS2321 | TẠ VŨ THÙY DƯƠNG     | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | KS07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 137 | 2105AV0040 | TRẦN TÚ NGÂN         | NGÔN NGỮ ANH                        | AV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 138 | 2105TV0039 | HỒ THỊ THÚY UYÊN     | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 139 | 2105KT0052 | NGUYỄN HỮU GIÀU      | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | KT05KD | GIỎI     | 500.000   |  |
| 140 | 2205TN0009 | DƯ NGỌC MINH ANH     | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 141 | 2205TN0014 | CHÂU NGỌC HÀ         | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 142 | 2205QK0047 | HỒ MINH HIẾU         | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | QK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 143 | 2205QK0022 | NGUYỄN THỊ MỸ        | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | QK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 144 | 2305TD8125 | NGUYỄN NGỌC KỶ DUYÊN | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                  | TD07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 145 | 2405MK0218 | KỶ LỢI LẠC           | MARKETING                           | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 146 | 2205TN0031 | LÊ HUỖNH PHƯƠNG NGHI | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 147 | 2105MK0053 | ĐÀO THỊ MAI ANH      | MARKETING                           | MK05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 148 | 2405MK0265 | LÊ THỊ CẨM LY        | MARKETING                           | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 149 | 2105KT0009 | ĐỖ DIỆM LINH         | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 150 | 2105QB0008 | PHẠM THỊ HOÀNG HIỆP  | QUẢN LÝ BỆNH VIỆN                   | QB05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 151 | 2105TN0072 | LÊ THỊ NHƯ QUỲNH     | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 152 | 2205MK0026 | LÊ THỊ CẨM HƯƠNG     | MARKETING                           | MK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 153 | 2105CT0012 | NGUYỄN TRỌNG PHÚC    | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05TT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 154 | 2105DL0018 | ĐẶNG XUÂN ĐÔN        | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 155 | 2205MK0008 | TẠ HƯƠNG GIANG       | MARKETING                           | MK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 156 | 2305TN0166 | VÕ ĐĂNG KHẢI         | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 157 | 2405AV0764 | PHẠM HOÀN CHÂU KHA   | NGÔN NGỮ ANH                        | 2405AV | GIỎI     | 500.000   |  |
| 158 | 2205MK0003 | NGÔ ĐỨC THIÊN        | MARKETING                           | MK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 159 | 2405HQ0724 | PHẠM HOÀNG NHƯ UYÊN  | NGÔN NGỮ HÀN QUỐC                   | 2405HQ | GIỎI     | 500.000   |  |

|     |            |                        |                                     |        |          |           |  |
|-----|------------|------------------------|-------------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 160 | 2205TV0016 | TRẦN TUYẾT MAI         | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 161 | 2205CT0008 | TRẦN THỊ HUỖNH GIAO    | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 162 | 2105CT0014 | VÕ MẠNH CƯỜNG          | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05PM | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 163 | 2105CT0021 | TRẦN THẾ CÔNG          | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05PM | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 164 | 2105CT0101 | NGUYỄN QUỐC THÁI       | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05PM | GIỎI     | 500.000   |  |
| 165 | 2105CT0020 | NGUYỄN THÀNH TIẾN      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT05TT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 166 | 2205CT0024 | NGUYỄN THÁI DƯƠNG      | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 167 | 2205CT0067 | NGÔ NGỌC HÒA           | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 168 | 2305CT0530 | LÊ NGUYỄN MINH NGỌC    | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 169 | 2305CT0697 | HỒ NGỌC ANH THU        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 170 | 2305CT0553 | LÊ ĐĂNG HUY            | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 171 | 2305CT2348 | NGUYỄN THỊ HẢI ANH     | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 172 | 2305CT0341 | NGUYỄN VĂN TIỆP        | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 173 | 2305CT2346 | LA GIA THÀNH           | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                 | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 174 | 2405TL0424 | NGUYỄN TRỊNH THIÊN KIM | TÂM LÝ HỌC                          | 2405TL | GIỎI     | 500.000   |  |
| 175 | 2205DL0005 | TRƯƠNG DIỆP ÂU VINH    | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 176 | 2405DL0762 | PHẠM ÂN ĐÌNH           | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | 2405DL | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 177 | 2405DL0434 | HUỖNH HOÀNG KIM        | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | 2405DL | GIỎI     | 500.000   |  |
| 178 | 2405KS0661 | TRẦN HOÀNG BẢO TRÂM    | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | 2405KS | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 179 | 2405KS0485 | NGUYỄN THỊ CẨM NHI     | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | 2405KS | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 180 | 2105AV0023 | THÁI THỊ THANH THƯƠNG  | NGÔN NGỮ ANH                        | AV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 181 | 2205AV0050 | NGÔ TRUNG PHƯỚC        | NGÔN NGỮ ANH                        | AV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 182 | 2305AV0013 | PHẠM ĐĂNG KHOA         | NGÔN NGỮ ANH                        | AV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 183 | 2105NV0021 | BÙI THỊ THU HIỀN       | NGÔN NGỮ NHẬT                       | NV05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 184 | 2405NV0368 | NGUYỄN HỮU SANG        | NGÔN NGỮ NHẬT                       | 2405NV | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 185 | 2105TV0041 | NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN    | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 186 | 2105TV0069 | QUÁCH BỘI DƯ           | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC                 | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |

|     |            |                       |                              |        |          |           |  |
|-----|------------|-----------------------|------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 187 | 2105TV0064 | PHAN KIM YẾN          | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC          | TV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 188 | 2305TV5625 | VÕ HUỖNH NGÀ          | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC          | TV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 189 | 2105KT0017 | ĐẶNG THUY ĐÌNH ĐÌNH   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 190 | 2105KT0057 | TRỊNH TÚ PHƯƠNG VY    | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 191 | 2105KT0010 | LÊ THỊ KHÉO           | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 192 | 2105KT0014 | NGUYỄN NGỌC THÙY MY   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 193 | 2105KT0066 | BÙI TRỌNG NGHĨA       | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 194 | 2105KT0062 | VÕ THỊ KIM QUYÊN      | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 195 | 2105KT0059 | PHAN THỊ Ý NHI        | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | GIỎI     | 500.000   |  |
| 196 | 2105KT0039 | TRẦN THỊ MỸ HIỀN      | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP         | KT05KD | GIỎI     | 500.000   |  |
| 197 | 2305KT2246 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC  | KẾ TOÁN                      | KT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 198 | 2305KT2305 | NGUYỄN HOA HIỀN VI    | KẾ TOÁN                      | KT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 199 | 2405KT0648 | HÀ PHAN DIỆU LINH     | KẾ TOÁN                      | 2405KT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 200 | 2205TN0023 | PHẠM MINH HOÀI        | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG        | TN06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 201 | 2305TN0374 | NGUYỄN PHẠM QUANG ĐỨC | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG        | TN07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 202 | 2405TN0031 | ĐẶNG GIA THUẬN        | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG        | 2405TN | GIỎI     | 500.000   |  |
| 203 | 2105QK0027 | ĐOÀN NGUYỄN MINH VY   | QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ  | QK05NT | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 204 | 2105QK0126 | TRẦN LÊ VIỆT PHƯƠNG   | QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP | QK05TH | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 205 | 2105QK0030 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT  | QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP | QK05TH | GIỎI     | 500.000   |  |
| 206 | 2405QK0173 | NGUYỄN KHÁNH BĂNG     | QUẢN TRỊ KINH DOANH          | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 207 | 2405QK0052 | BÙI TRÂM ANH          | QUẢN TRỊ KINH DOANH          | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 208 | 2205MK0010 | TÔ KIM HIỀN           | MARKETING                    | MK06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 209 | 2305MK7644 | PHAN HỒ MINH HY       | MARKETING                    | MK07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 210 | 2405MK0270 | HOÀNG NHỊ CHÂN        | MARKETING                    | 2405MK | GIỎI     | 500.000   |  |
| 211 | 2305LT8006 | ĐOÀN MINH THƯ         | LUẬT                         | LT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 212 | 2305LT7509 | LƯƠNG ĐẠI LỘC         | LUẬT                         | LT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |

|     |            |                        |                                 |        |          |           |  |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 213 | 2305CT0188 | NGUYỄN TRẦN TRÚC GIANG | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN             | CT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 214 | 2405CT0698 | TRẦN THẢO VI           | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN             | 2405CT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 215 | 2405QB0739 | NGUYỄN LÊ MINH HỒNG    | QUẢN LÝ BỆNH VIỆN               | 2405QB | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 216 | 2405KS0484 | NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN              | 2405KS | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 217 | 2405AV0385 | TỔNG THÙY LINH         | NGÔN NGỮ ANH                    | 2405AV | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 218 | 2205NV0012 | QUÁCH VĨNH KHẢ         | NGÔN NGỮ NHẬT                   | NV06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 219 | 2305NV0523 | NGUYỄN THỊ THẢO VI     | NGÔN NGỮ NHẬT                   | NV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 220 | 2105TV0043 | CAO THỊ MỸ HẠ          | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC             | TV05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 221 | 2305TV0698 | VÕ THỊ KIM THƠM        | NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC             | TV07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 222 | 2105KT0011 | VÕ THỊ CẨM NHUNG       | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP            | KT05KD | GIỎI     | 500.000   |  |
| 223 | 2205KT0017 | TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG   | KẾ TOÁN                         | KT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 224 | 2305KT8008 | NGUYỄN NGỌC MINH THU   | KẾ TOÁN                         | KT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 225 | 2405FT0611 | NGUYỄN THÁI KIM HẰNG   | CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH             | 2405FT | GIỎI     | 500.000   |  |
| 226 | 2305QK0653 | NGUYỄN QUỐC KIẾT       | QUẢN TRỊ KINH DOANH             | QK07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 227 | 2405QK0621 | MAI QUỐC NGHĨA         | QUẢN TRỊ KINH DOANH             | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 228 | 2305MK0568 | TRẦN THỊ TUYẾT NGÂN    | MARKETING                       | MK07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 229 | 2205CT0048 | ĐỖ NGUYỄN MINH HƯƠNG   | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN             | CT06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 230 | 2105QK0011 | NGUYỄN THANH CHÂU      | QUẢN TRỊ KINH DOANH<br>TỔNG HỢP | QK05TH | GIỎI     | 500.000   |  |
| 231 | 2205NV0001 | PHẠM VIỆT KHÁI         | NGÔN NGỮ NHẬT                   | NV06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 232 | 2205MK0009 | TRƯƠNG THỊ HỒNG ĐÀO    | MARKETING                       | MK06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 233 | 2305LT7783 | TRẦN THỊ THU HẰNG      | LUẬT                            | LT07A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 234 | 2105CT0027 | TRẦN PHƯƠNG UYÊN       | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN             | CT05PM | GIỎI     | 500.000   |  |
| 235 | 2305CT2048 | TRẦN QUỐC ANH DŨNG     | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN             | CT07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 236 | 2105AV0053 | TRẦN TRUNG NHÂN        | NGÔN NGỮ ANH                    | AV05B  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 237 | 2205TN0025 | HỒ TRẦN ANH HOÀNG      | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG           | TN06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 238 | 2305TN8199 | LÊ THỊ THÙY DUNG       | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG           | TN07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 239 | 2305TD0642 | TRẦN ĐẶNG TÂM NGUYÊN   | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ              | TD07A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |

|     |            |                     |                                     |        |          |           |  |
|-----|------------|---------------------|-------------------------------------|--------|----------|-----------|--|
| 240 | 2105MK0016 | VI THỊ HƯƠNG QUỲNH  | MARKETING                           | MK05A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 241 | 2205DL0004 | PHÙNG KIM HOÀNG     | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH | DL06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 242 | 2105TN0003 | TRẦN MỸ THU         | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG               | TN05TC | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 243 | 2405QK0778 | NGUYỄN MINH TRIẾT   | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | 2405QK | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 244 | 2205NV0009 | NGUYỄN VÕ MINH ANH  | NGÔN NGỮ NHẬT                       | NV06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 245 | 2205NV0013 | NGUYỄN NGỌC ANH THU | NGÔN NGỮ NHẬT                       | NV06A  | GIỎI     | 500.000   |  |
| 246 | 2205KT0015 | NGUYỄN HIỀN THỰC    | KẾ TOÁN                             | KT06A  | XUẤT SẮC | 1.000.000 |  |
| 247 | 2105QK0006 | NGUYỄN THỊ NGỌC LỢI | QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP        | QK05TH | GIỎI     | 500.000   |  |